

Bản án số: **356/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 29 tháng 5 năm 2025
Về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,
Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung,
Ông Nguyễn Hải Đăng.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hồng Mạnh Hải, Thư ký viên Toà án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thuý Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 843/2024/HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 843/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 625/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Hồng S** (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: ông **Lê N** (vắng mặt tại phiên tòa).

Cùng địa chỉ: D T, phường T, Thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tạm trú: 192/20 L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và trình bày của đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S và bị đơn ông Lê N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 03/4/1996 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là: Lê Thị Thùy T, nữ, sinh ngày 02/12/1996, Lê Thị Phương N1, nữ, sinh ngày 05/02/2006 và Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013 (chưa thành niên).

Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2021, hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cả hai đã ly thân dù cả hai còn cùng chung sống một nhà.

Nguyên đơn nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với ông Lê N; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày

17/6/2013, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có.

** Bị đơn ông Lê Ngà:*

Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án hôn nhân, gia đình số 843/2024/TB-TLVA ngày 21 tháng 10 năm 2024; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Lê N đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa không lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như trên.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án:

Qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thu thập, thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng.

Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn: hai bên đương sự mâu thuẫn và thực tế đã =====, thể hiện cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn đối với ông Lê Ngà .

Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Lê N có 03 con chung là: Lê Thị Thùy T, nữ, sinh ngày 02/12/1996, Lê Thị Phương N1, nữ, sinh ngày 05/02/2006 và Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013. Giao con chung chưa thành niên Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013, cho bà Nguyễn Thị Hồng S nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của trẻ T1.

Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: bà Nguyễn Thị Hồng S tự khai không có. Ông Lê N không có lời khai về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng S thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

B Nguyễn Thị Hồng S và ông Lê N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 03/4/1996 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên - Huế; bị đơn cư trú tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên tranh chấp trong vụ án là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Việc vắng mặt của bị đơn ông Lê N tại phiên tòa:

Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đối với ông Lê N, nhưng ông Lê N đều vắng mặt tại các buổi làm việc, hoà giải, xét xử của Tòa án, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Lê N có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn, khoảng năm 2021, hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cả hai đã ly thân dù cả hai còn cùng chung sống một nhà, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đương sự không tự hoà giải đoàn tụ được. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, nhưng không có ý kiến gì khác. Nguyên đơn xác định hiện không còn tình cảm vợ - chồng với bị đơn; do vậy trường hợp của nguyên đơn được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là: Lê Thị Thùy T, nữ, sinh ngày 02/12/1996, Lê Thị Phương N1, nữ, sinh ngày 05/02/2006 và Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013 (chưa thành niên).

Ngày 26/11/2024, Thẩm phán đã lấy nguyện vọng của trẻ Lê Kỳ T1, với sự chứng kiến của giám hộ là bà Nguyễn Thị Hồng S, trẻ T1 có nguyện vọng được chung sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Hồng S.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013, cho đến khi thành niên; do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, giao con chung chưa thành niên Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013, cho bà Nguyễn Thị Hồng S nuôi dưỡng là cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày có đủ khả năng, điều kiện về kinh tế, thời gian đối với việc chăm sóc, giáo dục con chung chưa

thành niên, nên bà S không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà S.

[6] Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng S tự khai không có nợ chung; ông Lê N không đến Toà án trình bày về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này hai bên phát sinh tranh chấp đối với tài sản chung, nợ chung, hai bên được quyền khởi kiện đến Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

B Nguyễn Thị Hồng S chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Hồng S đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 95, 96, 97, 98, khoản 1 Điều 227, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 8, 9, 51 của Luật hôn nhân và gia đình;

Luật thi hành án dân sự;

Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 thng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hĩa x hội C1,

X:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S.

1. Về quan hệ hôn nhân:

B Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ơng L Ng.

2. Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Lê Ngà C 03 con chung là: Lê Thị Thùy T, nữ, sinh ngày 02/12/1996 (đã thành niên), Lê Thị Phương N1, nữ, sinh ngày 05/02/2006 (đã thành niên) và Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013 (chưa thành niên).

Giao bà Nguyễn Thị Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013, cho đến khi thành niên. Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung: hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý

nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng S chưa yêu cầu ông Lê N cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung:

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm:

B Nguyễn Thị Hồng S chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Hồng S đã tạm nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045109 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hôn nhân và gia đình đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo:

B Nguyễn Thị Hồng S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê N vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 03/4/1996 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên - Huế, không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường Tây Lộc,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên – Huế;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Lê Nam Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị NhungNguyễn Hải ĐăngLê Nam Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Phòng họp
của trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T2 phố Hòa Chí M.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Nam H,

- *Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị N2,

Ông Nguyễn Hải Đ.

Nếu tiến hành họp hòa giải số thụ lý số 843/2024/HNGĐ ngày 21
tháng 10 năm 2024, về “Ly hôn”, theo Q trình của vụ án ra xét xử số
843/2025/QNST-HNGN ngày 04 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên

toà số 625/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đồng
số:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Hồng S** (có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: ông **Lê N** (vắng mặt tại phiên toà).

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sơ trình
báo, tranh luận và xác nhận của đồng số tại phiên toà, HĐ đồng
xét xử theo luật và những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, năm a khoản 1 Điều 35, năm a khoản
1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 95, 96, 97, 98, khoản 1 Điều 227, Điều 144,
khoản 4 Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 8, 9, 51 của Luật hôn nhân và gia đình;

Luật thi hành án dân sự;

D mức thù lao án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết
số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ
Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Biểu quyết:

.....

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng S.

Biểu quyết:

.....

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với bị đơn ông Lê N.

Biểu quyết:

.....

2.2. Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Lê N có Lê Thị Thùy T, nữ, sinh ngày
02/12/1996, Lê Thị Phương N1, nữ, sinh ngày 05/02/2006 và Lê Kỳ T1, nam,
sinh ngày 17/6/2013 (chưa thành niên).

Giao bà Nguyễn Thị Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung
chưa thành niên Lê Kỳ T1, nam, sinh ngày 17/6/2013, cho đến khi thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung: hai bên đương sự
phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng
không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp
có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa
vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở
người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,
giáo dục con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực
tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha,
mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý

nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Biểu quyết:

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng S chưa yêu cầu ông Lê N cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biểu quyết:

2.4. Về tài sản chung và nợ chung:

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết..

Biểu quyết:

3. Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng S chòu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ñỗõic trờo vaỏo tieàn taìm òùng àun phí do bà Nguyễn Thị Hồng S ñỗõ taìm noáp 300.000 ñoàng (Ba traêm ngaỏn ñoàng) theo Bieân lai thu taìm òùng àun phí, lệ phí Toà án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045109 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục T3 haỏnh àun daân sối Quaỏn T, T2 phoá Hòa Chí M.

Án phí hôn nhân và gia đình đã nộp đủ.

Biểu quyết:

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Hồng S còu quyeàn khaùg caỏu trong thờoi haỉn 15 ngaỏy, keỏ tởỏ ngaỏy tuyeân àun.

Ông Lê N vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết:

5. Các vấn đề khác:

Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 03/4/1996 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên - Huế, không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trööðong hôip baûn aùn, quyêát ñòngh ñööôic thi haønh theo quy ñòngh taïi Ñieàu 2 Luaät thi haønh aùn daân söi thì ngöôøi ñööôic thi haønh aùn daân söi, ngöôøi phaûi thi haønh aùn daân söi coù quyên thoûa thuaän thi haønh aùn, quyên yeâu caàu thi haønh aùn, töi nguyeän thi haønh aùn hoaëc bò cööõng cheá thi haønh aùn theo quy ñòngh taïi caùc Ñieàu 6, 7, 7a, 7b, 9 Luaät thi haønh aùn daân söi; thôøi hieäu thi haønh quyêát ñòngh ñööôic thöïc hieän theo quy ñòngh taïi Ñieàu 30 Luaät thi haønh aùn daân söi.

Biểu quyết:
.....

Buoãi nghò aùn keát thuùc luùc 10 giôø 15 phút cùng ngaøy, caùc thaønh vieân Hội ñồng xét xử ñaõ ñoïc laïi bieân baûn vaø ghi nhaän ñuùng noãi dung ñaõ quyêát ñòngh.

HOÃI THẨM NHAÂN DAÂN
CHUÛ TOÃA PHIEÂN TOẠ

THẨM PHÁN